

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST

Ngày 25-3-2026

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Việt

Ông Hoàng Minh Tùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hà Thu, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực
3 - Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên
tòa:* Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng
Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2025/TLST-HNGĐ ngày 02
tháng 12 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm
2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm
2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị Thu H, sinh năm 1997. Số căn cước công dân:
019197004601, ngày cấp: 04/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính
về trật tự xã hội, Bộ C.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Xóm
B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lý Văn H1, sinh năm 1995. Số căn cước công dân:
020095005852; ngày cấp: không có; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính
về trật tự xã hội, Bộ C.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt lần thứ hai không có lý
do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn
chị Nông Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Văn H1 được tự do tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 01/12/2016 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi làm công nhân ở Bắc Ninh, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, chị phát hiện anh Lý Văn H1 ngoại tình, vợ chồng sống ly thân khoảng 01 năm đến năm 2019 thì quay lại. Đến năm 2020, anh Lý Văn H1 không tu chí làm ăn, thường xuyên giao du bạn bè, dính vào cờ bạc trên mạng dẫn đến nợ nần, chị phải đứng ra trả nợ cùng anh Lý Văn H1, đến cuối năm 2023 mới trả được hết nợ. Từ thời điểm này vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hai bên gia đình nội ngoại đều biết và khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Tháng 12/2023 chị thuê trọ ở riêng cũng không về bên nhà chồng ở nữa, chỉ về thăm con, vợ chồng cũng không còn liên lạc. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với anh Lý Văn H1.

Về con chung: Có 01 người con chung là Lý Thành D, sinh ngày 11/7/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu anh Lý Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi 18 tuổi. Chị Nông Thị Thu H cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Nông Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, không có tài liệu thể hiện quan điểm của bị đơn trong vụ án.

Tại bản tự khai của con chưa thành niên trình bày: Cháu Lý Thành D là con chung của chị Nông Thị Thu H và anh Lý Văn H1. Hiện cháu đang học lớp 3 trường P, tỉnh Lạng Sơn và đang sống cùng bố và ông bà nội tại thôn Bản Duộc, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Khi bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Hoàng Thị Đ là mẹ đẻ của anh Lý Văn H1 ngày 05/02/2026 trình bày: Anh Lý Văn H1 và chị Nông Thị Thu H được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do hai vợ chồng đi làm xa nên bà không nắm được mâu thuẫn. Khoảng 02 năm gần đây, vợ chồng đã tách ra ở trọ riêng và sống ly thân. Vợ chồng có 01 người con chung là Lý Thành D, sinh năm 2017. Hiện nay cháu đang ở cùng bố và ông bà nội tại thôn Bản Duộc, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Chị Nông Thị Thu H vẫn thường xuyên về thăm con, thăm bố mẹ chồng, hàng tháng vẫn gửi tiền về chăm con. Các giấy tờ của Tòa án gia đình đã nhận được và thông báo cho anh Lý Văn H1 biết tuy nhiên do đi làm xa nên anh Lý Văn H1 không về được. Tại công văn số 05/UBND-VP, ngày 07/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin: Chị Nông Thị Thu H và anh Lý Văn H1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn) ngày 01/12/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ tại thôn Bản Duộc, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Tình trạng hôn nhân giữa chị Nông Thị Thu H và anh Lý Văn H1 lúc ở nhà không có mâu thuẫn, từ năm 2020 vợ chồng đi làm ăn xa có xảy ra mâu thuẫn nhỏ do anh Lý Văn H1 chơi cờ bạc không tu chí làm ăn nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023. Hiện nay anh Lý Văn H1 đang đi

làm công ty ở Bắc Ninh, UBND xã không nắm được thu nhập cụ thể, anh Lý Văn H1 đang sống phụ thuộc bố mẹ nên không có tài sản riêng. Vợ chồng có 01 người con chung là Lý Thành D, sinh ngày 11/7/2017. Hiện nay cháu đang ở cùng anh Lý Văn H1 và ông bà nội, cháu phát triển bình thường không bị ngược đãi, cháu có điều kiện sinh sống và học tập bình thường.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt, chị Nông Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt trong Toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, do vậy bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nông Thị Thu H được ly hôn với anh Lý Văn H1. Về con chung: Giao con chung là cháu Lý Thành D cho anh Lý Văn H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị Thu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu vùng tương ứng với 1.850.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày là không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nông Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nông Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lý Văn H1 có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 02 Điều 01 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất do vắng mặt bị đơn và triệu tập phiên tòa họp lệ lần thứ hai. Chị Nông Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng

mặt. Do đó, việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Thu H và anh Lý Văn H1 được tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay không còn tình cảm gì với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bị đơn để trình bày quan điểm, tổ chức hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã nhận được thông tin triệu tập của Tòa án, điều đó thể hiện việc anh Lý Văn H1 không mong muốn đoàn tụ. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình thì xác định hôn nhân giữa chị Nông Thị Thu H và anh Lý Văn H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị Thu H.

[4] Về con chung: Có 1 người con chung là Lý Thành D, sinh ngày 11/7/2017. Xét thấy, anh Lý Văn H1 không có ý kiến trình bày về việc nuôi dưỡng con chung tuy nhiên cháu Lý Thành D từ nhỏ đến nay vẫn sinh sống cùng anh Lý Văn H1 và ông bà nội tại thôn Bản Duộc, xã H, tỉnh Lạng Sơn và đang học tập, phát triển bình thường. Chị Nông Thị Thu H đang làm việc và thuê trọ ở Thái Nguyên, không đảm bảo điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu Lý Thành D có nguyện vọng tiếp tục sống cùng bố khi bố mẹ ly hôn nên cần tiếp tục giao con cho anh Lý Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi để không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ. Chị Nông Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nông Thị Thu H trình bày khi ly hôn chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lý Văn H1 không có ý kiến trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con nên cần xác định mức cấp dưỡng đối với con chưa thành niên theo mức lương tối thiểu vùng quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, buộc chị Nông Thị Thu H có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi con bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng quy định tại Điều 3 Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Theo quy định thì mức lương tối thiểu vùng tại xã T, tỉnh Lạng Sơn (V) hiện nay là 3.700.000 đồng. Do vậy cần buộc chị Nông Thị Thu H có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con chung tương ứng với số tiền 1.850.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu Lý Thành D đủ 18 tuổi. Trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày không có tài sản chung, nợ chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nông Thị Thu H là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 02 Điều 01 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 3 Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ vào Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Thu H, cho chị Nông Thị Thu H được ly hôn với anh Lý Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Thành D, sinh ngày 11/7/2017 cho anh Lý Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị Thu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 1.850.000đ/tháng (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Lý Thành D đủ 18 tuổi. Trường hợp cần thiết sau khi ly hôn hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị Thu H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001176 ngày 02/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Chị Nông Thị Thu H còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí để sung ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn;
- UBND xã Thiện Long, T. Lạng Sơn;
- (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lương Thị Mỹ Hạnh**